TAP CHI SINH HOC 2014, 36(3): 323-329
DOI: 10.15625/0866-7160/v36n3.5971

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VÀ THỐNG KÊ CÁC LOÀI THỰC VẬT BỊ ĐE DỌA Ở TỈNH HÀ GIANG, VIỆT NAM

Vũ Anh Tài[1]*, Nguyễn Nghĩa Thìn[2]

[1]Viện Địa lý, Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam, *tai.botany@gmail.com
[2]Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

TÓM TẮT: Bài báo này trình bày kết quả điều tra, thống kê và đánh giá các loài thực vật có giá trị bảo tồn ở Hà Giang theo Sách Đỏ Việt Nam (2007). Theo đó, kết quả nghiên cứu dựa trên tất cả các loài thực vật bậc cao có mạch phân bố ở địa phương và các loài thực vật được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007). Chúng tôi đã xác định ở Hà Giang có có 156 loài, chiếm 36,6% tổng số loài thực vật bị đe dọa của cả nước, 1 loài có khả năng tuyệt chủng ngoài thiên nhiên, 13 loài rất nguy cấp, 61 loài nguy cấp và 81 loài và một thứ sẽ nguy cấp; đồng thời kết quả nghiên cứu đã bổ sung 88 loài thực vật quý hiếm cho địa phương. Kết quả cho thấy, hệ thực vật tỉnh Hà Giang còn rất đa dạng, đây là cơ sở khoa học giúp cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học của địa phương.

Từ khóa: Bị đe dọa, nguy cấp, rất nguy cấp, sẽ nguy cấp, tuyệt chủng, Hà Giang.

MỞ ĐẦU

Hà Giang là có hệ thực vật vừa chứa đựng các yếu tố đặc trưng của thực vật nhiệt đới, vừa có những đại diện của thực vật của vùng núi cao, khí hậu khô lạnh… và ở đó, sự xuất hiện của các loài thực vật quý hiếm đã nhấn mạnh tính đa dạng và độc đáo của hệ thực vật. Đến nay, mới chỉ có một số nghiên cứu về các loài quý hiếm có vùng phân bố tập trung ở một số các khu bảo tồn thiên nhiên mà chưa có nghiên cứu nào bao quát trên toàn bộ hệ thực vật của tỉnh. Trên cơ sở những nghiên cứu thực địa, kế thừa những nghiên cứu khác về hệ thực vật ở các khu vực thuộc Hà Giang, bài báo này cung cấp những dẫn liệu để góp phần cơ sở cho các công tác quy hoạch, bảo tồn tài nguyên thực vật của địa phương.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật liệu nghiên cứu là các loài thực vật có vùng phân bố tại Hà Giang, bao gồm các mẫu vật do các tác giả khảo sát (742 loài) hoặc thu trực tiếp tại địa phương (280 loài), các mẫu vật được lưu giữ tại phòng mẫu của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật và phòng mẫu của Khoa Sinh học (359 loài), trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội (280 loài) và mẫu vật từ các nguồn khác.

Áp dụng các phương pháp đối chiếu và so sánh để xác định các loài thực vật bị đe dọa theo các phân hạng của Sách Đỏ Việt Nam (2007) [1] làm cơ sở cho các nhận xét và đánh giá. Quá trình điều tra thực địa áp dụng theo "Phương pháp nghiên cứu thực vật" của Nguyễn Nghĩa Thìn (2004) [6].

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Trên cơ sở đối chiếu, phân tích các mẫu vật theo các phân hạng của Sách Đỏ Việt Nam (2007) [1] và kế thừa các tài liệu liên quan đến phân bố của các loài thực vật bị đe dọa ở Hà Giang, chúng tôi đã xác định có 156 loài bị đe dọa (bảng 1), thuộc 66 họ thực vật bậc cao có mạch, chiếm 36,6% tổng số loài nguy cấp của cả nước theo các tiêu chí của Sách Đỏ Việt Nam (2007).

Trong số các loài có khả năng bị tuyệt chủng ngoài thiên nhiên (EW) đó là Lan hài việt nam (*Paphiopedilum vietnamense*). Loài này theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) [1] có thông tin phân bố ở Hà Giang nhưng chưa chính xác. Trong quá trình thực địa và kiểm tra mẫu ở các phòng mẫu chúng tôi cũng không ghi nhận được sự xuất hiện của loài này ở Hà Giang.

Có 13 loài đang ở mức rất nguy cấp (CR) chủ yếu là các loài cây thuốc được nói đến nhiều và có giá trị cao như Kim cang petelot (*Smilax petelotii*), Kim cang poilane (*Smilax poilanei*), Re hương (*Cinnamomum parthenoxylon*), Vũ diệp tam thất (*Panax*

bipinnatifidum), Hoàng liên trung quốc (*Coptis chinensis*), Hoàng liên chân gà (*Coptis quinquesecta*), Lan hài vàng (*Paphiopedilum helenae*) (bảng 1). Hiện nay, phân bố rất hạn chế, chủ yếu tồn tại ở các khu vực rừng trên núi cao, rừng ít bị tác động hoặc tại các vách đá con người khó xâm nhập, mật độ gặp rất thấp và thường không tìm ra được các cá thể của loài, sự hiện diện được ghi nhận chủ yếu là theo tài liệu tham khảo.

Có 61 loài nguy cấp (EN) bao gồm các loài như Cốt toái bổ (*Drynaria fortunei*), Hoàng tinh đốm (*Polygonatum punctatum*), Hoàng tinh vòng (*Polygonatum kingianum*), Hồng nhung vàng chanh (*Renanthera citrina*), Kinh giới hoa bông (*Elsholtzia communis*), Kinh giới sần (*Elsholtzia rugulosa*), Kim tuyến tơ (*Anoectochilus setaceus*), Bình vôi (*Stephania cepharantha*), Bát giác liên (*Podophyllum tonkinense*), Dần toòng (*Gynostemma pentaphyllum*), Kim tuyến không cựa (*Anoectochilus acalcaratus*), Ngọc vạn vàng (*Dendrobium chrysanthum*), Kim điệp (*Dendrobium chrysotoxum*), Đại giác (*Dendrobium longicornu*), Hài hoa nhỏ (*Paphiopedilum micranthum*) (bảng 1). Những loài nà có phân bố khá hạn chế, chủ yếu tồn tại ở các khu vực rừng trên núi cao, rừng ít bị tác động hoặc tại các vách đá con người khó xâm nhập, mật độ gặp thường không nhiều và hiếm khi tìm ra được các cá thể của loài.

Có 81 loài và 01 thứ sẽ nguy cấp (VU) bao gồm hầu hết là những loài có giá trị sử dụng vì mục đích cho gỗ như Sồi bắc giang (*Lithocarpus bacgiangensis*), Thiết đinh (*Markhamia stipulata*), Chò nước (*Platanus kerrii*), Dẻ bán cầu (*Lithocarpus hemisphaericus*), Sa mu dầu (*Cunninghamia konishii*), Gù hương (*Cinnamomum* balansae), Dạ hợp dandy (*Manglietia dandyi*), Giổi lông (*Michelia balansae*),… hoặc cây thuốc như Tắc kè đá (*Drynaria bonii*), Phá lủa (*Tacca subflabellata*), Lá khôi (*Ardisia silvestris*), Sâm cau (*Peliosanthes teta*), Hồi đá vôi (*Illicium difengpi*), Tế tân (*Asarum caudigerum*), Hà thủ ô đỏ (*Fallopia multiflora*), Ngải rợm (*Tacca integrifolia*), Bạc cánh (*Leptomischus primuloides*), Hoàng nàn (*Strychnos ignatii*), Mã tiền hoa tán (*Strychnos umbellata*), Đảng sâm (*Codonopsis javanica*),… và một số loài có vùng phân bố hẹp như Trúc đen (*Phyllostachys nigra*), Cói túi hà tuyên (*Carex hatuyenensis*), Thiết sam đá vôi (*Tsuga chinensis*), Rau sắng (*Melientha suavis*), Đỉnh tùng (*Cephalotaxus mannii*), Tuế ba-lăng-xa (*Cycas balansae*), Thông pà cò (*Pinus kwangtungensis*), Tuế lược (*Cycas pectinata*) (bảng 1), chúng có phân bố hạn chế tại Hà Giang, chủ yếu tồn tại ở các khu vực rừng trên núi cao, rừng ít bị tác động hoặc tại các vách đá con người khó xâm nhập, mật độ gặp thường không nhiều nhưng vẫn có thể gặp được các cá thể của loài một cách ngẫu nhiên.

Bảng 1. Danh mục các loài thực vật quý hiếm ở Hà Giang

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Tình trạng
	Altingiaceae	Họ Tô hạp	
1	*Altingia chinensis* Oliv. ex Hance	Tô hạp trung hoa	EN(*,4,d)
	Anacardiaceae	Họ Điều	
2	*Melanorrhoea laccifera* Pierre	Sơn huyết	VU(*,3,c)
	Annonaceae	Họ Na	
3	*Enicosanthellum plagioneurum* var. *oblanceolatum* Ban	Nhọc trái khớp lá mác ngược	VU(*,4,d)
4	*Mitrephora calcarea* Diels ex Ast.	(cây) Đội mũ	VU(3,d)
	Apocynaceae	Họ Trúc đào	
5	*Rauvolfia cambodiana* Pierre ex Pitard	Ba gạc lá to	VU(*,2,d)
6	*Rauvolfia micrantha* Hook.f.	Ba gạc lá nhỏ	VU(*,2,d)
7	*Rauvolfia verticillata* Baill.	Ba gạc lá vòng	VU(2,d)
	Araceae	Họ Ráy	
8	*Homalomena pierreana* Engl. & K. Krause	Thần phục	VU(*,3,d)
	Araliaceae	Họ Ngũ gia bì	
9	*Acanthopanax gracilistylus* W. W. Smith	Ngũ gia bì hương	EN(2,d,c)

10	*Acanthopanax trifoliatus* Voss.	Chân chim gai	EN(2,4,d,c)
11	*Evodiopanax evodiifolius* Nakai	Ngũ gia bì gai	VU(2,d)
12	*Panax bipinnatifidum* Seem.	Vũ diệp tam thất	CR(*,4,d)
13	*Tetrapanax papyriferus* C. Koch	Thông thảo	EN(3,d)
	Arecaceae	Họ Cau	
14	*Calamus platyacanthus* Warb. ex Becc.	Song mật	VU(*,1,4,d)
15	*Calamus poilanei* Conrard	Song bộp	EN(*,3,d)
16	*Guihaia grossefibrosa* Dransf., S. K. Lee & F. N. Wei	Mật cật sợi to	EN(2,d)
	Aristolochiaceae	Họ Hoa tiên	
17	Aristolochia indica L.	Sơn dịch	VU(*,d)
18	*Aristolochia kwangsiensis* Chun & How ex Liang	Mã đậu linh quảng tây	EN(4,d)
19	*Aristolochia tuberosa* Liang & Hwang in Liang	Chu sa liên	EN(*,2,d)
20	*Asarum balansae* Franch.	Biến hóa núi cao	EN(4,d)
21	*Asarum caudigerum* Hance	Tế tân	VU(4,d)
22	*Asarum glabrum* Merr.	Hoa tiên	VU(4,d)
	Asteraceae	Họ Cúc	
23	*Achillea millefolium* L.	Dương kỳ thảo	VU(*,4,d)
24	*Ainsliaea petelotii* Merr.	Ánh lệ núi cao	VU(1,d)
25	*Cirsium japonicum* Fish. ex DC	Đại kế	VU(*,4,d)
26	*Cirsium leducei* Lévl	Cúc gai	EN(1,d)
27	*Myriactis delavayi* Gagnep.	Dùi trống nhỏ	VU(4,d)
	Balanophoraceae	Họ Liệt đương	
28	*Balanophora laxiflora* Hemsl.	Nấm đất	EN(*,4,d)
	Berberidaceae	Hoàng liên gai	
29	*Berberis wallichiana* DC.	Hoàng liên gai	EN(*,2,d)
30	*Mahonia bealii* Pynaert	Hoàng liên ô rô lá dày	EN(2,d)
31	*Mahonia nepalensis* DC.	Mã hồ	EN(2,4,d,a)
32	*Podophyllum tonkinense* Gagnep.	Bát giác liên	EN(4,d,b)
	Bignoniaceae	Họ Chùm ớt	
33	*Markhamia stipulata* var. kerrii Sprague	Thiết đinh	VU(*,2,4,d,c)
	Burseraceae	Họ Trám	
34	*Canarium tramdenum* Dai & Yakovl.	Trám đen	VU(*,4,c)
	Caesalpiniaceae	Họ Vang	
35	*Sindora siamensis* Teysm. ex Miq.	Gụ mật	EN(*,3,d)
	Campanulaceae	Họ Đảng sâm	
36	*Codonopsis javanica* Hook.f. & Thoms.	Đảng sâm	VU(2,4,c)
	Cephalotaxaceae	Họ Đinh tùng	
37	*Cephalotaxus mannii* Hook.f.	Đinh tùng	VU(1,2,b)
	Chloranthaceae	Họ Sói	
38	*Hedyosmum orientale* Merr. &Chun	Mật hương	CR(*,2,d)
	Convallariaceae	Họ Mạch môn	
39	*Disporopsis longifolia* Craib	Hoàng tinh hoa trắng	VU(2,4,b)
40	*Ophiopogon tonkinensis* Rodr.	xã bì bắc bộ	VU(*,4,d,b)
41	*Peliosanthes teta* Andr.	Sâm cau	VU(*,4,d,b)
42	*Polygonatum kingianum* Coll. & Hemsl.	Hoàng tinh vòng	EN(*,2,4,d,b)
43	*Polygonatum punctatum* Royle	Hoàng tinh đốm	EN(*,2,d,a)
	Cucurbitaceae	Họ Bầu bí	
44	*Gynostemma pentaphyllum* Makino	Dần tòong	EN(1,2,c)
	Cupressaceae	Họ Hoàng đàn	
45	*Cunninghamia konishii* Hayata	Sa mu dầu	VU(*,2,4,d)
46	*Fokienia hodginsii* (Dunn) A. Henry et H.H. Thomas	Pơ mu	EN(1,2,3,4,c)
47	*Xanthocyparis vietnamensis* Farjon & T.H.Nguyên	Bách vàng	CR(*,1,d)
	Cycadaceae	Họ Tuế	
48	*Cycas balansae* Warb.	Tuế balăngxa	VU(*,1,c)

49	*Cycas pectinata* Buch.-Ham.	Tuế lược	VU(*,1,c)
	Cyperaceae	Họ Cói	
50	*Carex hatuyenensis* K. Khoi	Cói túi hà tuyên	VU(*,1,d)
51	*Carex kucyniakii* Raym.	Cói túi diệp đơn	CR(*,1,d)
	Dipsacaceae	Họ Tục đoạn	
52	*Dipsacus asper* Wall. ex DC.	Tục đoạn nhọn	EN(3,d)
	Dipterocarpaceae	Họ Dầu	
53	*Dipterocarpus retusus* Blume	Chò nâu	VU(2,4,d)
54	*Vatica subglabra* Merr.	Táu nước	EN(*,3,d)
	Ebenaceae	Họ Thị	
55	*Diospyros mun* A. Chev. ex Lecomte	Mun	EN(4,d)
	Ericaceae	Họ Đỗ quyên	
56	*Gaultheria fragrantissima* Wall.	Châu thụ thơm	VU(2,d)
	Fabaceae	Họ Đậu	
57	*Callerya speciosa* Schot	Dây sâm nam	VU(*,2,d)
58	*Sophora tonkinensis* Gagnep.	Hoè bắc bộ	VU(*,3,d)
	Fagaceae	Họ Dẻ	
59	*Castanopsis hystrix* A. DC.	Cà ổi đỏ	VU(*,4,d)
60	*Castanopsis lecomtei* Hickel & A. Camus	Cà ổi sa pa	VU(*,4,d)
61	*Castanopsis tesselata* Hickel & A. Camus	Cà ổi lá đa	VU(2,4,d)
62	*Lithocarpus amygdalifolius* Hayata	Sồi lá đào	VU(*,2,d)
63	*Lithocarpus bacgiangensis* A. Camus	Sồi bắc giang	VU(*,d,b)
64	*Lithocarpus balansae* A. Camus	Sồi đá lá mác	VU(*,4,d)
65	*Lithocarpus hemisphaericus* Barnett	Dẻ/ Giẻ bán cầu	VU(2,d)
66	*Lithocarpus mucronatus* A. Camus	Dẻ/ Giẻ quả núm	VU(3,4,d)
67	*Lithocarpus truncatus* Rehd.	Dẻ quả vát	VU(*,2,d)
68	*Lithocarpus vestitus* A. Camus	Dẻ cau lông trắng	EN(*,3,d)
69	*Quercus macrocalyx* Hickel & A. Camus	Sồi đấu to	VU(*,2,3,d)
70	*Quercus platycalyx* Hickel & A. Camus	Sồi đĩa	VU(*,4,d)
71	*Quercus setulosa* Hickel & A. Camus	Sồi duối	VU(*,d)
72	*Quercus variabilis* Blume	Sồi đen	EN(4,d)
	Flacourtiaceae	Họ Bồ quân	
73	*Gynocardia odorata* R. Br. In Roxb	Giang tím bịu	EN(2,d)
	Helwingiaceae	Họ Lá dâng hoa	
74	*Helwingia japonica* F. G. Dietr	Lá dâng hoa	EN(4,d)
	Hypocidaceae	Họ Sâm cau	
75	*Curculigo orchioides* Gaertn.	Cồ nốc lan	EN(*,2,d)
	Illiciaceae	Họ Hồi	
76	*Illicium difengpi* B. N. Chang	Hồi đá vôi	VU(1,d)
	Juglandaceae	Họ Óc chó	
77	*Annamocarya sinensis* J. Leroy	Chò đãi	EN(*,4,d)
	Lamiaceae	Họ Hoa môi	
78	*Elsholtzia communis* Diels	Kinh giới hoa bông	EN(1,d)
79	*Elsholtzia rugulosa* Hemsl.	Kinh giới sần	EN(1,d)
	Lauraceae	Họ Nguyệt quế	
80	*Cinnamomum balansae* Lecomte	Gù hương	VU(*,4,d)
81	*Cinnamomum cambodianum* Lecomte	Re cam bốt	VU(*,2,d,c)
82	*Cinnamomum parthenoxylon* Nees.	Re hương	CR(*,4,d)
83	*Endiandra hainanensis* Merr. & Metc. ex Allen	Vừ	EN(*,2,3,d)
84	*Phoebe macrocarpa* C. Y. Wu	Re trắng quả to	VU(*,4,d)
	Liliaceae	Họ Hoa huệ	
85	*Lilium brownii* F. E. Br. ex Mill.	Bạch huệ núi	EN(*,2,c)
	Loganiaceae	Họ Mã tiền	
86	*Strychnos ignatii* Bergius	Hoàng nàn	VU(*,2,d)

87	*Strychnos umbellata* Merr.	Mã tiền hoa tán	VU(*,4,d)
	Loranthaceae	Họ Tầm gửi	
88	*Taxillus gracilifolius* Ban	Tầm gửi	VU(*,2,c)
	Magnoliaceae	Họ Mộc lan	
89	*Manglietia dandyi* Dandy in D. Nilsson	Dạ hợp dandy	VU(1,4,d)
90	*Michelia balansae* Dandy	Giổi lông	VU(4,d,c)
	Meliaceae	Họ Xoan	
91	*Aglaia spectabilis* Jain & Bennet.	Gội nếp	VU(*,3,d)
92	*Chukrasia tabularis* A. Juss.	Lát hoa	VU(1,2,3,4,d,b)
	Menispermaceae	Họ Dây mối	
93	*Stephania cepharantha* Hayata	Bình vôi	EN(*,1,2,c)
94	*Stephania dielsiana* C.Y.Wu	Củ dòm	VU(*,2,c)
95	*Tinospora sagittata* Gagnep.	Củ gió	VU(*,4,d)
	Myrsinaceae	Họ Đơn nem	
96	*Ardisia silvestris* Pitard	Lá khôi	VU(*,2,4,d)
97	*Embelia parviflora* Wall. ex A.DC.	Thiên lý hương	VU(*,4,d)
98	*Myrsine semiserrata* Wall. In Roxb	Thiết tồn	VU(4,c)
	Myrtaceae	Họ Sim	
99	*Acmena acuminatissima* Merr. & Perry	Thoa	VU(*,3,c)
	Opiliaceae	Họ Sơn cam	
100	*Melientha suavis* Pierre	Rau sắng	VU(*,2,c)
	Orchidaceae	Họ Lan	
101	*Anoectochilus acalcaratus* Aver.	Kim tuyến không cựa	EN(*,1,d)
102	*Anoectochilus calcareus* Aver.	Kim tuyến đá vôi	EN(*,1,d,b)
103	*Anoectochilus setaceus* Blume	Kim tuyến tơ	EN(*,4,d,c)
104	*Dendrobium amabile* O'Brien	Thủy tiên hường	EN(*,1,2,d,c)
105	*Dendrobium chrysanthum* Wall. ex Lindl.	Ngọc vạn vàng	EN(*,3,4,d,b)
106	*Dendrobium chrysotoxum* Lindl.	Kim điệp	EN(*,1,2,d,c)
107	*Dendrobium draconis* Reichb.f.	Nhất điểm hồng	VU(*,1,d,c)
108	*Dendrobium farmeri* Paxt.	Ngọc điểm	VU(*,1,d,c)
109	*Dendrobium fimbriatum* Hook.	Kim diệp	VU(*,1,d,b)
110	*Dendrobium longicornu* Lindl.	Đại giác	EN(*,4,d,b)
111	*Dendrobium moschatum* Sw.	Thái bình	EN(*,2,d,c)
112	*Dendrobium nobile* Lindl.	Thạch hộc	EN(*,2,4,d,a,b)
113	*Dendrobium wattii* Reichb.f.	Hoạt lan	EN(*,2,d,c)
114	*Liparis conopea* Aver.	Nhẫn điệp nón	EN(*,2,d,a)
115	*Liparis emarginata* Aver.	Nhẫn diệp môi lõm	EN(1,2,d,c)
116	*Nervilia aragoana* Gaudich. in Freyc.	Trân châu xanh	VU(*,2,d,b)
117	*Nervilia fordii* Schlechter	Thanh thiên quỳ	EN(2,4,d,a)
118	*Paphiopedilum dianthum* T. Tang & F. T. Wang	Hài đỏ	EN(1,2,d,c)
119	*Paphiopedilum gratrixianum* Rolfe	Vệ hài trang trí	CR(*,2,d,c)
120	*Paphiopedilum helenae* Aver.	Lan hài vàng	CR(*,2,d,c)
121	*Paphiopedilum hirsutissimum* Stein	Tiên hài	VU(2,d,a,b)
122	*Paphiopedilum malipoense* S.C.Chen & Z.H.Tsi	Hài vân nam	EN(2,4,d,a,b)
123	*Paphiopedilum micranthum* T. Tang & F.T.Wang	Hài hoa nhỏ	EN(2,3,d,b)
124	*Paphiopedilum vietnamense* Gruss & Perner	Hài việt nam	EW(1,2,d,c)
125	*Paphiopedilum villosum* Stein	Kim hài	EN(*,4,d,c)
126	*Renanthera citrina* Aver.	Hồng nhung vàng chanh	EN(*,1,2,d,b)
	Orobanchaceae	Họ Lệ Đương	
127	*Aeginetia indica* L.	Lệ dương	VU(2,d)
	Pinaceae	Họ Thông	
128	*Pinus kwangtungensis* Chun ex Tsiang var. *kwangtungensis*	Thông Pà cò	VU(2,d,a,b)
129	*Tsuga chinensis* Pritz. ex Diels	Thiết sam đá vôi	VU(2,a)

	Platanaceae	Họ Chò nước	
130	*Platanus kerrii* Gagnep.	Chò nước	VU(3,d)
	Poaceae	Họ Hòa thảo	
131	*Chimonobambusa quadrangularis* Makino	Trúc vuông	CR(*,3,d)
132	*Phyllostachys nigra* Munro	Trúc đen	VU(3,d)
	Polygonaceae	Họ Rau răm	
133	*Fallopia multiflora* Haraldson	Hà thủ ô đỏ	VU(4,d)
	Polypodiaceae	Họ Quyết ráng	
134	*Drynaria bonii* H.Christ	Tắc kè đá bon	VU(*,2,d,b)
135	*Drynaria fortunei* (Kuntze ex Mett) J. Smith	Tắk kè đá foóctun	EN(*,1,2,4,d,c)
	Ranunculaceae	Họ Mao lương	
136	*Coptis chinensis* Franch	Hoàng liên trung quốc	CR(4,d)
137	*Coptis quinquesecta* W.T.Wang	Hoàng liên chân gà	CR(*,4,c)
138	*Thalictrum foliosum* DC.	Thổ hoàng liên	VU(4,d)
139	*Thalictrum ichangense* Lecoyer & Oliv.	Thổ hoàng liên lùn	CR(*,2,c)
	Rhoipteleaceae	Họ Đuôi ngựa	
140	*Rhoiptelea chiliantha* Diels & Hand.-Mazzer.	Đuôi ngựa	EN(*,2,d)
	Rubiaceae	Họ Cà phê	
141	*Canthium dicoccum* TeySmith & Binn.	Găng vàng hai hoa	VU(*,2,d,a)
142	*Leptomischus primuloides* Drake	Bạc cánh	VU(*,4,d)
	Sapotaceae	Họ Sến	
143	*Madhuca pasquieri* H. J. Lam.	Sến mật	EN(*,1,2,3,4,d)
	Schisandraceae	Họ Ngũ vị	
144	*Kadsura heteroclita* Craib	Xưn xe tạp	VU(*,4,d)
	Scrophulariaceae	Họ Hoa mõm sói	
145	*Limnophila rugosa* Merr.	Quế đất	VU(*,4,d)
	Smilacaceae	Họ Kim cang	
146	*Smilax petelotii* T. Koyama,	Kim cang petelot	CR(*,4,d)
147	*Smilax poilanei* Gagnep.	Kim cang poilane	CR(*,4,d)
	Styracaceae	Họ Bồ đề	
148	*Alniphyllum eberhardtii* Guillaum.	Lá dương đỏ	EN(*,4d)
	Taccaceae	Họ Râu hùm	
149	*Tacca integrifolia* Ker Gawl.	Ngải rợm	VU(*,2,d)
150	*Tacca subflabellata* P.P. Ling & C.T. Ting	Phá lủa	VU(4,d)
	Taxaceae	Họ Thông đỏ	
151	*Taxus chinensis* (Pilg.) Rehder	Thông đỏ bắc	VU(1,2,b)
	Theaceae	Họ Chè	
152	*Camellia gilbertii* Sealy	Trà hoa gilbert	EN(*,4,d)
	Thymelaeaceae	Họ Trầm	
153	*Aquilaria crassna* Pierre ex Lecomte	Trầm	EN(*,1,2,3,c)
	Tiliaceae	Họ Đay	
154	*Excentrodendron tonkinense* Chang & Miau	Nghiến	EN(*,1,2,4,d)
	Trilliaceae	Họ Trọng lâu	
155	*Paris polyphylla* Smith,	Trọng lâu nhiều lá	EN(*,d,c)
	Valerianaceae	Họ Nữ lang	
156	*Valeriana jatamansi* Jones	Liên hương thảo	EN(d)

*: Loài bổ sung vùng phân bố Hà Giang; 1: loài ghi nhận ở Bát Đại Sơn; 2: loài ghi nhận ở Du Già - Khau Ca; 3: loài ghi nhận ở Phong Quang; 4: loài ghi nhận ở Tây Côn Lĩnh; a: Loài có mẫu lưu trữ tại trường Đại học Khoa học Tự nhiên (Hà Nội); b: Loài có mẫu lưu trữ tại Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật; c: loài quan sát trực tiếp; d: loài tham khảo tư liệu khác.

KẾT LUẬN

Hệ thực vật Hà Giang có 156 loài bị đe dọa theo Sách Đỏ Việt Nam (2007), thuộc 66 họ thực vật bậc cao có mạch, chiếm 36,6% tổng số loài nguy cấp của cả nước, gồm 1 loài tuyệt chủng ngoài thiên nhiên (chưa rõ ràng), 13 loài rất nguy

cấp, 61 loài nguy cấp và 81 loài và 01 thứ sẽ nguy cấp; đồng thời nghiên cứu đã bổ sung 88 loài thực vật quý hiếm cho địa phương (Sách Đỏ Việt Nam (2007) ghi nhận 69 loài thuộc 36 họ có khu vực phân bố là Hà Giang). Hệ thực vật tỉnh Hà Giang còn đa dạng và kết quả này góp phần cơ sở khoa học cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học của địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ & Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam. Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Nguyễn Tiến Hiệp, Phạm Văn Thế, Nguyễn Sinh Khang, Averyanov L. V., Lệnh Xuân Chung, Nguyễn Trường Sơn, Phan Kế Lộc, 2007. Bổ sung một số thực vật có giá trị bảo tồn cao ở khu bảo tồn Bát Đại Sơn, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang. Hội nghị Khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 2. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội: 310-315.
3. Nguyễn Tiến Hiệp, Nguyễn Sinh Khang, Phạm Văn Thế, Tô Văn Thảo, L. V. Averyanov, Nguyễn Quang Hiếu, Phan Kế Lộc, 2009. Những loài thực vật bị đe dọa tuyệt chủng và hiện trạng bảo tồn chúng ở cao nguyên đá vôi Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Hội nghị Khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 3. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội: 527-532
4. Nguyễn Quang Hưng, Trần Huy Thái, Trần Minh Hợi, Đỗ Văn Trường, Nguyễn Thiên Tạo, Cao Đạo Quang, 2009. Bước đầu nghiên cứu tính đa dạng thực vật ở khu bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh, huyện Vị Xuyên, Hà Giang. Hội nghị Khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 3. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội: 577-584.
5. Vũ Anh Tài, Trần Thị Thúy Vân, Nguyễn Hữu Tứ, Phạm Thế Vĩnh, Đào Thị Phượng, Lê Thị Kim Thoa, 2013. Đa dạng tài nguyên thực vật tại khu bảo tồn loài và sinh cảnh voọc mũi hếch Khau Ca, tỉnh Hà Giang. Tuyển tập Hội nghị Địa lý toàn quốc lần thứ 7, Thái Nguyên: 242- 247.
6. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2004. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

SURVEY AND INVENTORY OF THREATENED PLANT SPECIES IN HA GIANG PROVINCE, VIETNAM

Vu Anh Tai[1], Nguyen Nghia Thin[2]

[1]Insitute of Geography, VAST

[2]Hanoi National University of Science

SUMMARY

Our survey and inventory of the threatened plant species have been carried based on Vietnam Red Data Book (2007) for all of the plant species existed in Ha Giang province. The total of 156 plant species belonging to 66 vascular plant families were identified and listed in Vietnam Red Data Book (2007), which is 36.6% of the total threatended species of Vietnam's flora, of those 1 species seems to be extinct in the wild, 13 critically endangered species, 61 endangered species and 81 vulnerable species (one variaty). Additionally, the total 88 threatened species of 36 families recorded for the flora in Ha Giang province. This result can serve as the scientific basis for the plant biodiversity conservation of Ha Giang province.

Keywords: Critically endangered, endangered, extinction, threatened plant species, vulnerable, Ha Giang.

Ngày nhận bài: 1-2-2014